



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ II/2016**

THÁNG 7/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.332.745.600.759	727.572.437.118
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		927.542.132.355	514.591.242.289
Tiền	111	V.1	8.342.132.355	4.841.242.289
Các khoản tương đương tiền	112		919.200.000.000	509.750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.900.000.000	177.450.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	156.900.000.000	177.450.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.607.962.476	33.293.022.648
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.494.255.944	1.881.718.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.860.675.857	2.229.119.997
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		223.300.000.000	25.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	10.953.030.675	3.582.184.007
Hàng tồn kho	140		497.595.648	500.379.018
Hàng tồn kho	141	V.5	497.595.648	500.379.018
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.197.910.280	1.737.793.163
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		653.396.269	193.279.152
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.544.514.011	1.544.514.011



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.356.204.213.141	8.903.656.426.880
Các khoản phải thu dài hạn	210		211.004.000.000	272.004.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		211.000.000.000	272.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	4.000.000
Tài sản cố định	220		52.477.572.518	48.485.035.169
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	23.712.658.971	19.609.625.364
<i>Nguyên giá</i>	222		55.714.687.909	50.017.001.242
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.002.028.938)	(30.407.375.878)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	28.764.913.547	28.875.409.805
<i>Nguyên giá</i>	228		31.110.496.640	31.110.496.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.345.583.093)	(2.235.086.835)
Bất động sản đầu tư	230	V.8	233.747.517.433	240.923.131.255
<i>Nguyên giá</i>	231		291.858.675.266	291.858.675.266
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(58.111.157.833)	(50.935.544.011)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	9.854.077.019.661	8.336.643.654.496
Đầu tư vào công ty con	251		9.990.007.226.533	8.534.660.542.633
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		5.730.000.000	5.730.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(142.360.206.872)	(204.446.888.137)
Tài sản dài hạn khác	260		4.898.103.529	5.600.605.960
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4.898.103.529	5.600.605.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.688.949.813.900	9.631.228.863.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		268.123.038.935	210.778.630.594
Nợ ngắn hạn	310		268.123.038.935	210.778.630.594
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.853.465.110	998.098.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	37.420.558	27.162.332
Phải trả người lao động	314		478.735.000	868.719.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	31.196.710.898	2.464.378.865
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234.556.707.369	206.420.271.483
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		11.420.826.774.965	9.420.450.233.404
Vốn chủ sở hữu	410	V.13	11.420.826.774.965	9.420.450.233.404
Vốn cổ phần	411		7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.329.514.190.000	7.329.514.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(961.000.000)	(638.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		300.416.193.231	300.416.193.231
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.117.707.954.666	1.117.008.913.105
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.069.508.463.838	459.474.472.017
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.048.199.490.828	657.534.441.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.688.949.813.900	9.631.228.863.998

Người lập biểu



Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2016

Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2015 VND
01	VI.1	6.669.600.000	6.129.200.000	13.339.200.000	12.576.221.000
02		-	-	-	-
10		6.669.600.000	6.129.200.000	13.339.200.000	12.576.221.000
11	VI.2	3.240.338.202	3.240.338.202	6.480.676.404	6.480.676.404
20		3.429.261.798	2.888.861.798	6.858.523.596	6.095.544.596
21	VI.3	410.032.649.070	422.259.514.897	2.041.014.126.441	1.084.394.731.988
22	VI.4	389.230.884.184 (13.919.349.400)	415.585.491.264 59.424.703.093	2.007.963.091.389 (21.646.681.165)	1.072.127.317.272 59.477.111.013
23		-	116.116.667	-	168.524.587
25		-	-	-	-
26	VI.7	15.557.779.379	9.830.271.084	24.832.727.475	18.287.847.527
30		411.823.480.889	355.893.402.518	2.044.686.603.727	1.012.725.318.044
31	VI.5	2.247.722.418	1.783.430.998	3.737.766.621	3.137.297.806
32	VI.6	112.439.760	149.465.831	224.879.520	311.982.824
40		2.135.282.658	1.633.965.167	3.512.887.101	2.825.314.982
50		413.958.763.547 (1.770.192.291)	357.527.367.685 386.785.229	2.048.199.490.828	1.015.550.633.026 875.609.481
51		-	-	-	-
52		-	-	-	-
60		415.728.955.838	357.140.582.456	2.048.199.490.828	1.014.675.023.545

Hưng Yên, ngày 23 tháng 7 năm 2016

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Người lập biểu



Đinh Phương Loan



Trần Tuấn Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.048.199.490.828	1.015.550.633.026
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.245.516.473	9.613.943.363
Các khoản dự phòng	03		(62.086.681.265)	59.308.586.426
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.000.892.308.159)	(1.084.394.731.988)
Chi phí lãi vay	06		-	168.524.587
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.533.982.123)	246.955.414
Biến động các khoản phải thu	09		(2.277.523.645)	(3.957.117.321)
Biến động hàng tồn kho	10		2.783.370	1.058.752
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		29.207.972.455	(3.445.968.321)
Biến động chi phí trả trước	12		702.502.431	(2.578.234.803)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(143.199.587)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.686.513.381)	(20.466.276.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		3.415.239.107	(30.342.782.820)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.001.440.000)	(4.582.209.084)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		318.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(538.200.000.000)	(524.050.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		422.050.000.000	326.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.011.566.684.000)	(398.420.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.515.780.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.034.155.593.141	1.086.586.615.785
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		409.535.650.959	485.634.406.701

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND
Tiền thu từ đi vay	33		-	217.010.997.843
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(217.010.997.843)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(488.518.044.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		-	(488.518.044.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		412.950.890.066	(33.226.420.769)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		514.591.242.289	298.740.078.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	927.542.132.355	265.513.658.136

Người lập biểu



Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc

 Trần Tuấn Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng và
- Đầu tư tài chính

3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

4. Cấu trúc Công ty

• Danh sách các công ty con

	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
1 Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,72%	99,72%
2 Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát Địa chỉ: Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	99,60%	99,60%
3 Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,94%	99,94%
4 Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát Địa chỉ: Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	99,67%	99,67%
5 Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,67%	99,67%
6 Công ty CP Thép Hòa Phát Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	92,00%	92,00%
7 Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, P. Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	99,96%	99,96%
8 Công ty CP Golden Gain Việt Nam Khu NO3, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TPHN	99,94%	99,94%
9 Công ty CP Năng lượng Hòa Phát Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,89%	99,89%
10 Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát Địa chỉ: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100,00%	100,00%
11 Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng Địa chỉ: 171 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
<ul style="list-style-type: none"> • Danh sách các công ty con 		
<ul style="list-style-type: none"> 12 Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát Địa chỉ: Đường E1, khu E, KCN Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam 	100,00%	100,00%
<ul style="list-style-type: none"> 13 Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam 	99,99%	99,99%
<ul style="list-style-type: none"> • Danh sách các công ty liên doanh, liên kết 		
<ul style="list-style-type: none"> <ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa phát- SSG Địa chỉ: Tổ 3- Phường Trần Hưng Đạo- TP Kon Tum- Tỉnh Kon Tum 	38,00%	38,00%
<ul style="list-style-type: none"> • Danh sách các đơn vị trực thuộc 		
<ul style="list-style-type: none"> <ul style="list-style-type: none"> Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Đà Nẵng Địa chỉ: 171 Trường Chinh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại TP Hồ Chí Minh Địa chỉ: 643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh 		
II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán		
<ul style="list-style-type: none"> 1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). 		
III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng		
<ul style="list-style-type: none"> 1. Chế độ kế toán áp dụng 		
Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.		
<ul style="list-style-type: none"> 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán 		
Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

- Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:* Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.
- *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:* Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Trong báo cáo riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Cổ phiếu phổ thông*: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- *Doanh thu cho thuê*: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.
- *Thu nhập từ tiền lãi*: Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
- *Thu nhập từ cổ tức*: Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn



Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	307.957.308	152.060.239
Tiền gửi ngân hàng	8.034.175.047	4.689.182.050
Cộng	8.342.132.355	4.841.242.289

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	156.900.000.000	156.900.000.000	177.450.000.000	177.450.000.000
	156.900.000.000	156.900.000.000	177.450.000.000	177.450.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con	9.990.007.226.533	9.946.067.019.661	(8.534.660.542.633)	8.330.213.654.496
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	179.500.000.000	179.500.000.000	179.500.000.000	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	398.400.000.000	398.400.000.000	398.400.000.000	398.400.000.000
• Công ty TNHH Óng thép Hòa Phát	799.500.000.000	799.500.000.000	549.500.000.000	549.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	149.500.000.000	149.500.000.000	149.500.000.000	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	299.000.000.000	299.000.000.000	299.000.000.000	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	-	-	299.500.000.000	299.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	2.331.937.200.000	2.331.937.200.000	2.331.937.200.000	2.331.937.200.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	845.030.800.000	702.670.593.128	845.030.800.000	640.583.911.863
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	960.539.226.533	960.539.226.533	960.539.226.533	960.539.226.533
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	1.238.350.000.000	1.238.350.000.000	1.238.350.000.000	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	600.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Chân nuôi Hòa Phát Đà Nẵng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
• Công ty CP Phát triển chăn nuôi Hòa Phát	-	-	190.140.000.000	190.140.000.000
• Công ty TNHH Khoáng sản Hòa Phát Mitracco	-	-	98.420.000.000	98.420.000.000
• Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	-	-	64.843.316.100	64.843.316.100
• Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	1.555.450.000.000	1.555.450.000.000	-	-
• Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát	602.800.000.000	602.800.000.000	-	-
Công ty liên kết	5.730.000.000	5.730.000.000	5.730.000.000	5.730.000.000
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	-	-	-	-
Đơn vị khác	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Phải thu của khách hàng	280.023.899	-	251.069.714	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.214.232.045	-	1.630.648.930	-
Cộng ngắn hạn	1.494.255.944	-	1.881.718.644	-

4. Phải thu khác

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác – ngắn hạn				
Lãi phải thu	9.803.411.808	-	3.334.378.730	-
Phải thu khác	1.149.618.867	-	247.805.277	-
Cộng ngắn hạn	10.953.030.675	-	3.582.184.007	-
Phải thu khác – dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	-	4.000.000	-
Cộng ngắn hạn	4.000.000	-	4.000.000	-

5. Hàng tồn kho

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	93.488.891	-	96.272.261	-
Hàng hóa	404.106.757	-	404.106.757	-
Cộng	497.595.648	-	500.379.018	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.461.631.355	27.962.665.268	17.592.704.619	50.017.001.242
- Tăng trong kỳ	-	6.957.440.000	105.000.000	7.062.440.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.364.753.333)	-	(1.364.753.333)
Số dư tại ngày 30/06/2016	4.461.631.355	33.555.351.935	17.697.704.619	55.714.687.909
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 31/12/2015	1.135.630.938	16.798.270.369	12.473.474.571	30.407.375.878
- Khấu hao trong kỳ	399.490.242	1.589.524.140	970.392.011	2.959.406.393
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.364.753.333)	-	(1.364.753.333)
Số dư tại ngày 30/06/2016	1.535.121.180	17.023.041.176	13.443.866.582	32.002.028.938
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2015	3.326.000.417	11.164.394.899	5.119.230.048	19.609.625.364
Tại ngày 30/06/2016	2.926.510.175	16.532.310.759	4.253.838.037	23.712.658.971

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Số dư tại ngày 30/06/2016	28.755.408.500	2.355.088.140	31.110.496.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 31/12/2015	-	2.235.086.835	2.235.086.835
- Khấu hao trong kỳ	-	110.496.258	110.496.258
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	2.345.583.093	2.345.583.093
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2015	28.755.408.500	120.001.305	28.875.409.805
Tại ngày 30/06/2016	28.755.408.500	9.505.047	28.764.913.547

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư ngày 31/12/2015	291.858.675.266
Số dư ngày 30/06/2016	291.858.675.266
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 31/12/2015	50.935.544.011
- Khấu hao trong kỳ	7.175.613.822
Số dư ngày 30/06/2016	58.111.157.833
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2015	240.923.131.255
Tại ngày 30/06/2016	233.747.517.433

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2015	2.588.412.300	2.519.693.804	492.499.856	5.600.605.960
Tăng trong kỳ	-	550.866.084	959.596.819	1.510.462.903
Phân bổ trong kỳ	(620.182.957)	(1.121.490.774)	(471.291.604)	(2.212.965.334)
Số dư tại ngày 30/06/2016	1.968.229.343	1.949.069.114	980.805.071	4.898.103.529

10. Phải trả người bán

	30/06/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.853.465.110	998.098.414
Cộng	1.853.465.110	998.098.414

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ/Bù trừ số thuế nộp thừa	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.005.616.906	1.005.616.906	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.162.332	484.461.699	474.203.473	37.420.558
Cộng	27.162.332	1.490.078.605	1.479.820.379	37.420.558

12. Phải trả khác

	30/06/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	976.185.000	933.556.000
Các khoản phải trả khác	30.220.525.898	1.530.822.865
Cộng	31.196.710.898	2.464.378.865

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận chưa phân phối		Quỹ đầu tư phát triển		Cổ phiếu quỹ		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	1.003.738.106.708	210.868.755.750	-	-	-	-	-	-	8.241.039.429.526	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.014.675.023.545	-	-	-	-	-	-	-	1.041.675.023.545	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	-	(977.231.060.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	(488.625.075.000)	-	-	-	-	-	-	-	(488.625.075.000)	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	181.000.000	-	-	-	-	-	(181.000.000)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(85.012.875.412)	-	-	-	-	-	-	-	(85.012.875.412)	-
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(100.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(100.000.000)	-
Tại ngày 30/06/2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	467.625.119.841	210.868.755.750	(181.000.000)	(181.000.000)	8.681.976.502.659	-	-	-	8.681.976.502.659	-
Tại ngày 31/12/2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	1.117.008.913.105	300.416.193.231	(638.500.000)	(638.500.000)	9.420.450.233.404	-	-	-	9.420.450.233.404	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2.048.199.490.828	-	-	-	2.048.199.490.828	-	-	-	2.048.199.490.828	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	322.500.000	-	-	-	(322.500.000)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(47.762.949.267)	-	-	-	(47.762.949.267)	-	-	-	(47.762.949.267)	-
Thù lao thành viên Ban kiểm soát	-	-	(60.000.000)	-	-	-	(60.000.000)	-	-	-	(60.000.000)	-
Tại ngày 30/06/2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	3.117.707.954.666	300.416.193.231	(961.000.000)	(961.000.000)	11.420.826.774.965	-	-	-	11.420.826.774.965	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	977.231.060.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	7.329.514.190.000	7.329.514.190.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	31/12/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	732.951.419	732.951.419
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	732.951.419
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ	(96.100)	(63.850)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	732.855.319	732.887.569
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.669.600.000	6.129.200.000
Cộng	6.669.600.000	6.129.200.000

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.240.338.202	3.240.338.202
Cộng	3.240.338.202	3.240.338.202

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.801.430.686	6.674.015.733
Lợi nhuận công ty con chuyển về	389.230.884.184	415.585.491.264
Doanh thu tài chính khác	334.200	7.900
Cộng	410.032.649.070	422.259.514.897

4. Chi phí tài chính

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	-	116.116.667
Lỗ thanh lý công ty con	40.440.000.100	-
Dự phòng đầu tư tài chính	(54.359.349.500)	59.308.586.426
Cộng	(13.919.349.400)	59.424.703.093



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 884 / Fax: 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	318.181.818	-
Thu từ cho thuê tài sản	515.432.728	551.160.000
Thu từ bán điện nước, cung cấp dịch vụ	1.414.107.872	1.228.777.062
Thu nhập khác	-	3.493.936
Cộng	2.247.722.418	1.783.430.998

6. Chi phí khác

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Giá trị khấu hao TSCĐ cho thuê	112.439.760	149.465.831
Cộng	112.439.760	149.465.831

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 năm 2016 VND	Quý 2 năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	2.854.627.053	2.467.530.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.847.425.775	1.073.547.379
Chi phí khác	10.855.726.551	6.289.193.145
Cộng	15.557.779.379	9.830.271.084

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VII. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Bên liên quan	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2015 VND
Bán hàng	Công ty con	16.508.938.386	15.536.010.307
Cho vay	Công ty con	515.900.000.000	373.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	Công ty con	374.600.000.000	247.000.000.000
Góp vốn	Công ty con	3.011.566.684.000	398.420.000.000
Thoái vốn	Công ty con	1.556.220.000.100	-
Lợi nhuận chuyển về	Công ty con	2.007.963.091.389	1.072.127.317.272

VIII. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TỪ 10% TRỞ LÊN

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2016 của Công ty là 415 tỷ đồng, tăng 16% so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2015 (quý 2 năm 2015 là 357 tỷ đồng) do trong kỳ, Công ty có hoạt động hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào công ty con.

Người lập biểu



Đinh Phương Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2016
 Tổng Giám đốc



Trần Tuấn Dương